



## **Lỗi sai thường gặp khi biểu đạt số cơ sở tiếng Trung - Trường hợp của sinh viên năm 3 ngành ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một** **Common mistakes when presenting the cardinal number in Chinese: A case of a third-year student in Chinese Language at Thu Dau Mot University**

**Đoàn Văn Hào<sup>1\*</sup>**

<sup>1</sup> Trường Đại học Thủ Dầu Một

\* haodv@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài:

21/5/2024

Ngày chấp nhận đăng:

12/6/2024

**Keywords:** Chinese errors, cardinal number, Chinese word numbers.

### **ABSTRACT**

*Cardinal numbers is an important part of everyday life. The disparity in number expressions between Vietnamese and Chinese makes it difficult for Chinese learners because Vietnamese no longer utilize the units of “ten thousand” and “metro” as Chinese does. Furthermore, in teaching practice, a considerable proportion of students are making several errors in expressing numbers and do not understand how to read or get puzzled about reading fractions, decimals, and quantities of millions. The third-year Chinese majors at Thu Dau Mot University were selected for data collection to investigate the current situation of using base numbers for common errors and at the same time to analyze the causes of errors for solutions to effective teaching, thereby helping Chinese learners improve their ability to use basic numbers in particular and Chinese in general.*

### **TÓM TẮT**

*Số đếm được ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống. Sự khác biệt trong cách diễn đạt các con số giữa tiếng Việt và tiếng Trung tạo ra khó khăn cho người học tiếng Trung, trong tiếng Việt ngày nay đã không còn dùng đơn vị “vạn”, “ức” như tiếng Trung. Bên cạnh đó, trong thực tiễn giảng dạy, tác giả cũng nhận thấy rằng, còn một bộ phận không nhỏ sinh viên vẫn mắc phải nhiều lỗi sai trong việc diễn đạt các con số, vẫn còn chưa hiểu hoặc nhầm lẫn khi đọc phân số, số thập phân và các số tiền từ hàng triệu trở lên. Bài viết lấy sinh viên năm 3 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Thủ Dầu Một làm đối tượng nghiên cứu, tiến hành điều tra thực trạng sử dụng số cơ sở tìm ra những lỗi thường mắc phải, đồng thời phân tích nguyên nhân của những lỗi sai, đưa ra giải pháp để tiến hành giảng dạy sao cho khoa học và hiệu quả, từ đó giúp người học tiếng Trung có thể nâng cao khả năng sử dụng số cơ sở nói riêng và khả năng sử dụng tiếng Trung nói chung.*

**Từ khóa:** lỗi sai tiếng Trung, số cơ sở, số từ tiếng Trung.

## 1. Giới thiệu

Việc giảng dạy số từ là một phần không thể thiếu trong việc giảng dạy tiếng Trung. Thực tế, sự khác biệt trong cách diễn đạt số giữa các quốc gia có thể tạo ra khó khăn cho người học. Ví dụ như trong tiếng Việt ngày nay đã không còn dùng đơn vị “vạn”, “ức” như tiếng Trung, hoặc như khi nói về phân số, trong tiếng Trung sẽ đọc mẫu số trước và tử số sau, điều này ngược lại với tiếng Việt.

Trong thực tiễn giảng dạy cũng nhận thấy rằng vẫn còn một bộ phận không nhỏ sinh viên vẫn mắc phải nhiều lỗi sai trong việc diễn đạt các con số. Đơn cử như số 2/3 thì đọc là 二分之三, hoặc cần nói đến con số 15 triệu thì nói 十五万 (nghĩa: 150.000) là sai quy tắc đọc số tiếng Trung. Như vậy, việc sinh viên nhận biết và sửa các lỗi phổ biến trong việc diễn đạt số là một phần quan trọng của quá trình giảng dạy và học tập. Diễn đạt số từ một cách chính xác sẽ giúp sinh viên cải thiện khả năng giao tiếp tiếng Trung và thực hành có hiệu quả trong các tình huống thực tế cũng như công việc về sau (nhất là những công việc đòi hỏi tính toán hoặc phiên dịch trong các cuộc đàm phán hợp đồng). Đối với giảng viên, đây sẽ là cơ sở để triển khai hiệu quả các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Bài viết đã lấy sinh viên năm 3 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một làm đối tượng nghiên cứu, tiến hành điều tra thực trạng sử dụng số cơ sở tìm ra những lỗi thường mắc phải, đồng thời phân tích nguyên nhân của những lỗi sai, đưa ra giải pháp để tiến hành giảng dạy sao cho khoa học và hiệu quả, từ đó giúp sinh viên có thể nâng cao khả năng sử dụng số cơ sở nói riêng và khả năng sử dụng tiếng Trung nói chung.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trước đây, các học giả Trung Quốc không công nhận số từ là một từ loại riêng biệt mà xếp nó vào trong hàng ngũ của tính từ (Ma Jianzhong, 1983). Sau đó, lại kết hợp với lượng từ, trở thành một loại nhỏ trong nhóm tính từ, được gọi là “tính từ chỉ số lượng”, dùng để phân biệt số lượng của vật chất (Li Jinxi, 1992). Đến năm 1943, ông Wang Li mới thực sự coi số từ là một từ loại độc lập, ông cũng cho rằng tất cả các từ biểu thị con số đều được gọi là số từ (Wang Li, 1943). Về sau,

Ding Shengshu và cộng sự trong cuốn 《现代汉语语法讲话》 (Tạm dịch: *Bản về ngữ pháp tiếng Hán hiện đại*, 1961) đã chia từ ngữ ra thành 10 loại từ và thiết lập số từ như một từ loại độc lập. Kể từ đó đến nay, trong nhiều giáo trình viết về ngữ pháp tiếng Hán hiện đại đều liệt số từ vào một trong mười từ loại của thực từ.

Qua quá trình tìm hiểu, tác giả nhận thấy các nghiên cứu về lỗi sai của số từ khá nhiều, chủ yếu tập trung vào số ước lượng, có thể kể ra một vài nghiên cứu sau: Đặng Thị Hoàng (2011) đã tiến hành khảo sát và phân tích lỗi sai của sinh viên Việt Nam khi sử dụng “二” và “hai”, đồng thời đề xuất các kiến nghị dạy học. Guo Danfeng (2016) đã phân tích chi tiết các lỗi và nguyên nhân mắc lỗi trong việc sử dụng “二” và “两” của lưu học sinh, đồng thời đề xuất các chiến lược và kế hoạch giảng dạy. Tuy nhiên, nghiên cứu phân tích lỗi sai số cơ sở thì còn hạn chế.

Bài viết này phân loại và phân tích một cách có hệ thống và toàn diện các lỗi mà sinh viên năm 3 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một hay mắc phải khi sử dụng số cơ sở.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp tài liệu: tác giả sử dụng phương pháp này nhằm tìm kiếm và thu thập thông tin từ các nguồn đáng tin cậy như sách, báo, bài báo khoa học, trang web chính thống, và các tài liệu khác. Sau đó tiến hành ghi chú đối với những nội dung có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát trực tuyến: tác giả sử dụng công cụ Google Form để tạo bảng câu hỏi trực tuyến và gửi cho sinh viên để họ điền thông tin về kinh nghiệm của mình trong việc sử dụng số cơ sở trong tiếng Trung và ghi nhận các lỗi thường gặp. Kết quả sử dụng được khảo sát từ ngày 15/4/2024 đến ngày 19/4/2024. Tổng phiếu thu 103, hợp lệ 102, đạt 99.03%.

Phương pháp phân tích thống kê: tác giả bài viết sử dụng Excel để tiến hành mô tả và tổng hợp dữ liệu về các lỗi sai của sinh viên. Kết hợp phương pháp định lượng định tính tiến hành phân tích toàn diện các lỗi sai và nguyên nhân, từ đó giúp tạo ra những kết luận có ý nghĩa từ dữ liệu.

## 4. Sơ lược cách biểu đạt số cơ sở trong tiếng Trung

Số cơ sở thể hiện sự lớn bé của chữ số, gồm: chính số, phân số, số thập phân và bội số.

#### 4.1. Chính số:

Chính số gồm 2 loại: hệ số là các chữ số từ 0 đến 9; hàng số là các số hàng đơn vị (个), hàng chục (十), hàng trăm (百), hàng nghìn (千), hàng chục nghìn (万, 万), hàng trăm triệu (亿, 亿). Cách đọc chính số là kết hợp hệ số và hàng số lại với nhau, hệ số đi trước và hàng số đi sau. Ví dụ: số 346875921 đọc thành 三亿四千六百八十七万五千九百二十一.

#### Khi đọc thì cần lưu ý các điểm sau đây:

Cần phải đọc thành tiếng chữ số “一” trong những trường hợp sau: thứ nhất, khi “一” kết hợp với hàng số “百、千、万、亿”. Ví dụ: 1000 đọc là 一千, 100 đọc là 一百; thứ 2, khi “一” làm hàng chục mà nằm sau hàng trăm thì cần phải đọc. Ví dụ: 313 đọc là 三百一十三.

Trong một dãy số có nhiều số 0, bất kể là mấy số thì chỉ cần đọc một lần chữ “零”. Ví dụ: 250026009 đọc là 两亿五千零二万六千零九.

Năm, số (số điện thoại, số phòng, số xe, số giấy tờ, số thẻ,...) thì đọc theo hệ số, không đọc hàng số, tất cả chữ số “0” cần phải đọc. Chữ số “1” trong các dãy số thì theo thói quen sẽ được đọc thành “yāo”. Ví dụ: năm 2000 đọc là 二〇〇〇年, phòng 315 đọc là 三 yāo 五房间.

#### Sự khác biệt cơ bản giữa “二” và “两”:

Tuy cả 2 đều diễn đạt con số giống nhau, đều mang ý nghĩa là “2”, nhưng cách dùng có điểm khác nhau: ①Trước lượng từ đơn lẻ dùng “两”(两个人、两瓶水、两次); ②Khi số “2” bắt đầu với các hàng “千、万、亿” thì thường dùng “两”(2587 đọc là 两千五百八十七); ③Con số hàng chục, vị trí trước hay sau cũng đều dùng “二”(二是二棵、十六台); ④Diễn đạt số thứ tự dùng “二”(第二、二楼、二月); ⑤Trước đơn vị đo lường truyền thống của Trung Quốc thường dùng “二”(二尺、二两、二里); ⑥Trước đơn vị đo lường thông dụng của quốc tế thường thì “二” và “两” đều được (二米/两米).

#### 4.2. Phân số

- Cách đọc: mẫu số + 分之 + tử số. Ví dụ: 1/3 đọc là 三分之一

- Số phần trăm (%) là phân số với mẫu số là 100, cách đọc: 百分之 + số. Ví dụ: 20% đọc là 百分之二十.

#### 4.3. Số thập phân

Dấu chấm (.) trong số thập phân đọc là “点”. Cách đọc như sau: (hệ số + hàng số) + 点 + hệ số. Ví dụ: 0.5 đọc là 零点五, 132.356 đọc là 一百三十二点三五六.

#### 4.4. Bội số

Kết cấu bội số trong tiếng Trung như sau: số + 倍 (5倍、三倍)

Lưu ý: “是 X 倍” nghĩa là bao gồm số gốc, “增加了 X 倍” nghĩa là không bao gồm số gốc.

Ví dụ: 原有 5 本书, 又买来 15 本书, 增加了 3 倍; 现有的书是原有书的 4 倍<sup>1</sup>. (Vốn có 5 quyển sách, lại mua về 15 quyển, đã tăng thêm 3 lần; số sách hiện có là 4 lần so với số sách trước đó.)

#### 5. Kết quả và thảo luận

##### 5.1. Hiện trạng lỗi sai trong cách biểu đạt số cơ sở trong tiếng Trung

##### 5.1.1. Lỗi cách đọc chữ số “1”

Đọc số 319 USD	Đúng/Sai	Số lượng	Tỉ lệ
三百一十九	Đúng	47	46.08%
三百十九	Sai	55	53.92%

Mục đích ở nội dung khảo sát đọc số “319 USD” là xem xét sinh viên có đọc ra chữ “yi” hay không. Ở trường hợp số “319” này, khi “1” làm hàng chục mà nằm sau hàng trăm, tức “hàng trăm + 1X” thì cần phải đọc ra “yi”. Đọc đúng sẽ là 三百一十九, số “1” ở đây cần đọc. Như vậy, theo kết quả khảo sát cho thấy, số sinh viên đáp sai là 55, chiếm hơn 53%.

<sup>1</sup> 卢福波. 对外汉语教学实用语法. 北京语言大学出版社. 2011

Sinh viên đã đọc theo cách mà người Việt đọc là “ba trăm mười chín”, điều này khác với trong tiếng Trung. Trong tiếng Trung khi biểu thị hàng chục với “1” thì không cần đọc “yi”, ví dụ: 16 thì đọc là 十六 (không đọc 一十六), trường hợp này đọc giống tiếng Việt.

### 5.1.2. Lỗi xác định hàng số trong dãy số dài

Đọc số 360.035.007VND	Số lượng	Tỉ lệ
三亿六千零三万五千零七	30	29.41%
Không đáp án	7	6.86%
Đáp sai	65	63.73%

### 5.1.3. Lỗi trong cách đọc “năm” và “số”

	Năm 2012		Phòng số 1315		Số xe AC5060		Số hộ chiếu E3598	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đáp đúng	70	68.63%	84	82.35%	85	83.33%	89	87.25%
Đáp sai	30	31.37%	18	17.65%	17	16.67%	13	12.75%

Đối với cách đọc năm và số (số điện thoại, số phòng, số xe, số giấy tờ, số thẻ,...) thì đọc theo hệ số, không đọc hàng số, tất cả chữ số “0” cần phải đọc. Đây là phần kiến thức dễ đối với sinh viên nên số lượng và tỉ lệ đáp đúng hiển nhiên nằm ở ngưỡng rất cao. Đây là biểu hiện tốt cho công tác giảng dạy, tuy nhiên số lượng đáp đúng vẫn chưa được tuyệt đối, vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên đã mắc phải sai lầm này, cụ thể, các em diễn đạt sai năm chiếm 31.37%, sai số phòng là 17.65%, sai số xe là 16.67%, sai số hộ chiếu là 12.75%. Trong những trường hợp, chỉ cần đọc hệ số, ví dụ

Trong câu hỏi này, chủ yếu khảo sát về khả năng nhận dạng ra con số đến hàng trăm triệu. Đối với sinh viên mà nói, việc nhận ra chính xác được dãy số này cũng quả thật rất khó vì nó nằm ngoài sự thường thấy của bản thân, nên cũng có một số ít sinh viên không cho ra được đáp án, chiếm 6.68%. Tỷ lệ đáp sai chiếm 63.73% với hơn 65 sinh viên.

Tuy nhiên, do đặc trưng về mệnh giá tiền của Việt Nam mà những dãy số dài trong thực tế cuộc sống xuất hiện khá nhiều, như khi nói về lương, đàm phán hợp đồng, buôn bán, ... các bạn sinh viên chưa hoặc tiếp xúc với những tình huống sử dụng số tiền lớn nên còn gặp nhiều trở ngại trong việc xác định được dãy số dài.

“năm 2012” thì đọc là “hai không một hai”, hay số phòng 1315 thì đọc “một ba một năm”.

Đi sâu phân tích, tác giả nhận thấy lỗi sai trong các trường hợp này có điểm chung, đó là hoặc cách này hoặc cách khác vẫn đọc theo thói quen của người Việt. Lấy trường hợp của cách đọc “năm 2012” làm ví dụ. Trong 30 đáp án sai thì có 13 sinh viên đọc 二零十二年 (hai không mười hai) chiếm 43.33%; 9 sinh viên đọc 二千十二年 (hai ngàn mười hai) chiếm 30%; 8 sinh viên đọc 两千两百十二年 (hai ngàn không trăm mười hai) chiếm 26.67%.

Năm 2012	Tương ứng tiếng Việt	Số lượng	Tỉ lệ
二零十二年	Hai không mười hai	13	43.33%
二千十二年	Hai ngàn mười hai	9	30.00%
两千两百十二年	Hai ngàn không trăm mười hai	8	26.67%

### 5.1.4. Mơ hồ trong cách dùng giữa “er” và “liang”

Lựa chọn	两		公斤		米	
	SL	%	SL	%	SL	%
二	38	37.25%	16	15.69%	29	28.43%
两	31	30.39%	61	59.80%	39	38.24%
Cả 2	33	32.36%	25	24.51%	34	33.33%

*Phần tô khối là lựa chọn phù hợp nhất*

Phần nội dung điền vào chỗ trống với “二”, “两” hoặc cả 2. Khảo sát mức độ ứng dụng khi nào dùng “er” khi nào dùng “liang”. Từ kết quả khảo sát cho thấy: “两” ở đây là đơn vị đo lường cân nặng truyền thống của Trung Quốc với ý nghĩa là “lượng/lạng”. Muốn diễn đạt “2 lượng” thì cần nói là “二两”. Trong tình huống có 64 sinh viên biểu đạt sai, chiếm 62.75%. Còn trong trường hợp diễn đạt “2 ký” và “2 mét” thì có thể nói “二公斤/两公斤” và “二米/两米”, vì theo nguyên tắc dùng cho đơn vị đo lường thông dụng của quốc tế thì “二” và “两” đều được.

Trong cách nói của người Việt không có sự phân chia mà chỉ dùng “hai” để diễn đạt, nên việc mắc phải sai lầm trong cách diễn đạt “hai” trong tiếng Trung là điều dễ dàng hiểu được. Trong các giáo trình chỉ giải thích ngắn gọn sự khác biệt, các em chỉ “nhớ” những trường hợp được đề cập trong giáo trình, những tình huống ngoài thì không nắm vững. Nếu các bạn tăng cường được những tình huống giao tiếp tiếng Trung thực tế (như đi thực tập, làm thêm, giao tiếp với người Trung Quốc).

### 5.1.5. Lỗi đọc phân số, số thập phân và số phần trăm

1/10			5.26			36.28%		
Lựa chọn	SL	%	Lựa chọn	SL	%	Lựa chọn	SL	%
十分之十	19	18.63%	五点二十六	51	50%	百分之三十六点二十八	38	37.25%
十分之一	83	81.37%	五点二六	51	50%	百分之百三十六点二十八	17	12.75%
						百分之三十六点二八	51	50.00%

*Phần tô khối là lựa chọn phù hợp nhất*

Trong phần phân số (đọc số 1/10), có 19 sinh viên theo thói quen đọc của người Việt mà đã chọn sai với cách đọc 十分之十, không logic với cách đọc phân số trong tiếng Trung. Vẫn chưa nắm được vị trí của tử số và mẫu số đứng trước hay sau 分之.

Nội dung số thập phân (đọc số 5.26), nhìn cả hai lựa chọn thì tất cả sinh viên đã có nền tảng trong cách đọc phân số, với dấu chấm (.) đọc là “点”. Phần lỗi là do cách đọc các số sau dấu chấm, theo nguyên tắc phần phía sau dấu chấm chỉ cần đọc hệ số là được (không đọc hàng số), tức là trong trường hợp này cách đọc đúng sẽ là 五点二六 (năm chấm hai sáu), với câu hỏi này có 51 sinh viên chưa đọc đúng với nguyên tắc, chiếm 50%.

Trong cách đọc số phần trăm (36.28%), có 51 sinh viên chọn sai với 50%. Trong 51 sinh viên này, lại chia thành 2 lỗi sai: một là, đọc sai phần đuôi số thập phân chiếm 37.25%, thay vì đọc 百分之三十六点二八 thì đọc 百分之三十六点二十八, lỗi này tương tự trong cách đọc số thập phân như trên đã trình bày; hai là, chỉ cần đọc 百分之 là đủ, thì sinh viên lại đọc 百分之百, tức là thay vì đọc 百分之三十六点二八 thì đọc 百分之百三十六点二八.

Nhìn chung, số đông sinh viên cũng đã nắm được cách đọc cơ bản về nội dung này, biết dùng chữ 分之 cho phân số, dùng 点 để thể hiện dấu chấm trong số thập phân, và dùng 百分之 cho số phần trăm. Nhưng vẫn chưa thật sự nắm và vận dụng được nguyên tắc một cách trọn vẹn nhất.

### 5.1.6. Lỗi cách biểu đạt bội số

Với câu hỏi khảo sát 原有 5 本书, 又买来 15 本书, 增加了 (A) 倍; 现有的书是原有书的 (B) 倍. Đáp án chính xác là A = 3 và B = 4.

	Số lượng	Tỉ lệ
Đáp đúng	31	30.39%
Không đáp án	10	9.80%
Đáp sai	61	59.80%

Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng sinh viên đáp đúng tương đối ít với 31 em, chiếm 30.39%, tỷ lệ sinh viên chưa đưa ra đáp án đúng khá cao với 69.61%, trong đó vẫn còn số ít sinh viên không đưa ra được đáp án chiếm 9.80% với 10 em.

## 5.2. Nguyên nhân

### 5.2.1. Bị ảnh hưởng tới tiếng mẹ đẻ

Cách sử dụng ngữ pháp trong tiếng mẹ đẻ có thể ảnh hưởng đến cách học và sử dụng ngữ pháp trong tiếng Trung. Một số điểm ngữ pháp có thể khác nhau giữa nên việc hiểu và sử dụng có thể gặp khó khăn.

Sự ảnh hưởng này có thể thấy ở lỗi sai khi đọc số 319 USD là “ba trăm mười chín” mà lướt đi sự có mặt của “—”, hay trong cách đọc phân số 1/10 đã đọc như tiếng Việt 十分之一 (sai). Hoặc “năm 2012”, với mỗi người hoặc nhóm người Việt khác nhau và tùy vào trường hợp mà sẽ có cách đọc khác nhau, ví dụ khi nói nhanh ta hay nói “năm hai không mười hai” hoặc “năm hai ngàn mười hai” hoặc khi trong một số trường hợp chính thức còn có cách nói “năm hai ngàn không trăm mười hai”, những cách nói này không phù hợp với quy tắc đọc năm trong tiếng Trung.

### **5.2.2. Môi trường thực hành tiếng Trung còn hạn chế**

Sinh viên năm Ba chưa thật sự bước vào giai đoạn thực tập ở doanh nghiệp nói tiếng Trung, và do đặc trưng về mệnh giá tiền của Việt Nam mà những dãy số dài (từ hàng chục triệu trở lên) trong thực tế cuộc sống xuất hiện khá nhiều, như khi nói về lương, đàm phán hợp đồng, buôn bán, ... các bạn sinh viên chưa hoặc tiếp xúc với những tình huống sử dụng số tiền lớn nên còn gặp nhiều trở ngại trong việc xác định được dãy số dài.

### **5.2.3. Ý thức tự giác đào sâu của sinh viên chưa cao**

Khi người không có ý thức tự giác và không đào sâu vào việc học tiếng Trung mà chỉ “trông chờ” hoàn toàn vào giáo trình thì có thể gặp phải một số vấn đề ảnh hưởng đến sự tiến bộ của mình trong việc học tập. Khi không có ý thức tự giác và không đầu tư đủ thời gian và nỗ lực vào việc học, người học có thể không đạt được sự tiến bộ mong muốn trong việc nắm vững tiếng Trung, bao gồm cả cách diễn đạt số từ.

### **5.2.4. Hệ thống kiến thức liên quan trong giáo trình chưa đầy đủ**

Khi hệ thống kiến thức liên quan trong giáo trình không đầy đủ, người học có thể gặp phải một số thách thức trong việc hiểu và ứng dụng kiến thức vào thực tế. Người học không có đủ kiến thức cơ bản để hiểu và tiếp thu các khái niệm mới. Lấy giáo trình Tiếng Trung Quốc Tổng Hợp từ 1 đến 4 làm ví dụ, 4 cuốn giáo trình này được lấy từ 2

cuốn giáo trình Phát triển Hán ngữ tổng hợp sơ cấp 1 (tập 1 và tập 2) do Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản. Liên quan đến số cơ sở thì giáo trình thiết kế như sau: Bài 1 đến bài 3: học số từ 0 đến 10, bài 5 thì học từ 1 đến 100, sang bài 6 thì học số trên 100 (cụ thể là hàng chục ngàn). Điều này dẫn đến người học có thể gặp khó khăn trong việc xây dựng mối liên kết giữa các kiến thức, nó cũng rất ảnh hưởng đến việc sinh viên thực hành với những dãy số dài như hàng triệu, chục triệu, trăm triệu thậm chí là từ hàng tỉ.

## **5.3. Giải pháp**

### **5.3.1. Tận dụng sự giống nhau và nhấn mạnh điểm khác biệt trong cách biểu đạt của hai ngôn ngữ để tiến hành giảng dạy**

Tận dụng sự giống nhau: Bắt đầu bằng việc nhấn mạnh sự tương đồng giữa tiếng Trung và tiếng Việt trong cách diễn đạt số cơ sở. Điều này giúp sinh viên cảm thấy tự tin hơn và dễ dàng hơn trong việc học tiếng Trung. Ví dụ, chỉ ra điểm giống nhau khi đọc số từ 1 đến 1000, ...

Nhấn mạnh điểm khác biệt: là nhấn mạnh những điểm khác biệt quan trọng giữa tiếng Trung và tiếng Việt. Điều này giúp sinh viên nhận biết và hiểu rõ hơn về những đặc điểm riêng biệt của số cơ sở tiếng Trung và tránh những sai sót không đáng có. Ví dụ, có thể giải thích về cách diễn đạt từ hàng chục ngàn trở lên, chỉ ra điểm khác biệt trong trật tự diễn đạt phân số, số phần trăm, bội số, ...

### **5.3.2. Khuyến khích thiết lập môi trường giao tiếp**

Trong giảng dạy, giảng viên tận dụng các ví dụ và bài thực hành để minh họa cách sử dụng số cơ sở trong các tình huống thực tế. Cách tiếp cận này có thể giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách sử dụng thực tế của số cơ sở và làm sâu sắc thêm trí nhớ của người học. Ví dụ, giảng viên có thể tiến hành hỏi đáp về giá trị các món đồ của sinh viên như điện thoại, laptop, ... hoặc nói về mức lương mong muốn.

Giảng viên khuyến khích sinh viên tự thiết lập môi trường giao tiếp bằng cách học nhóm, tìm bạn người Trung Quốc, ... đảm bảo bản thân duy trì được thời gian thực hành tiếng, có thể thông qua các ví dụ thực tế trong cuộc sống hàng ngày mà hiểu được ứng dụng của số cơ sở trong các tình huống khác nhau.

### **5.3.3. Nâng cao tinh thần ham học hỏi cho**

## **sinh viên**

Giảng viên cần tạo ra một môi trường học tích cực cho sinh viên cảm thấy hứng thú và thoải mái khi học để dễ dàng tiếp thu các khái niệm số từ. Giảng viên đặt câu hỏi và tạo ra các hoạt động học tập kích thích não bộ tư duy, đồng thời khuyến khích học tập lẫn nhau giữa các học sinh và cải thiện các kỹ năng diễn đạt số từ qua thảo luận nhóm và học tập hợp tác. Giảng viên còn sử dụng các hoạt động trò chơi hoặc thảo luận để kích thích sự tương tác và trao đổi thông tin giữa sinh viên, ngoài ra, khuyến khích sinh viên tự quản lý thời gian và phát triển kỹ năng học tập cá nhân.

### **5.3.4. Giảng viên hoàn thiện bài giảng về nội dung số cơ sở**

Trước tiên, giảng viên cần xác định rõ mục tiêu giảng dạy cụ thể mà mình mong muốn sinh viên đạt được sau khi hoàn thành bài giảng. Sau đó, dựa trên mục tiêu giảng dạy, giảng viên có thể chọn những nội dung phù hợp, đảm bảo rằng nội dung này phản ánh những kiến thức quan trọng và cơ bản nhất trong mảng kiến thức đó.

Giảng viên cần nhắc trình độ hiện tại của người học mà triển khai kiến thức cho phù hợp, đồng thời, lấy giáo trình làm chuẩn và mở rộng thêm nhiều nội dung liên quan một cách cụ thể cũng như sắp xếp nội dung theo một cấu trúc logic và có thứ tự, từ những khái niệm đơn giản đến những khái niệm phức tạp hơn.

Giảng viên nên liên tục cập nhật và cải thiện bài giảng dựa trên phản hồi từ sinh viên và những tiến triển mới trong lĩnh vực đó.

## **5.4. Kiến nghị**

### **5.4.1. Đối với giảng viên**

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần chỉ ra và lưu ý về những điểm tương đồng và khác biệt trong cách diễn đạt bằng số giữa tiếng Việt và tiếng Trung. Ngoài ra, giảng viên thường xuyên phân tích lỗi của sinh viên để có thể kịp thời phát hiện các vấn đề trong quá trình học tập của các em. Điều này không chỉ giúp sinh viên sửa lỗi mà còn giúp giảng viên điều chỉnh chiến lược giảng dạy để đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của các em.

Hơn nữa, giảng viên cần khuyến khích sinh viên tự sửa lỗi và học tập lẫn nhau, cũng như động viên sinh viên phát huy khả năng học tập độc lập, đồng thời khuyến khích các em tự sửa lỗi khi phát hiện ra lỗi trong cách diễn đạt của mình hoặc của

bạn bè. Thêm vào đó, thông qua hợp tác nhóm và học tập lẫn nhau, sinh viên có thể giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau tiến bộ. Cuối cùng, giảng viên nhắc các em luôn củng cố kiến thức cơ bản và ôn tập thường xuyên.

### **5.4.2. Đối với sinh viên**

Bản thân người học phải hiểu được khái niệm về con số: không chỉ nhớ cách phát âm của con số mà còn hiểu được khái niệm đại lượng được biểu thị bằng mỗi con số.

Ngoài ra, các em cần nghe nhiều hơn và mô phỏng nhiều hơn: bằng cách lắng nghe người bản xứ Trung Quốc và thực hành mô phỏng những kiến thức có ích.

Điều quan trọng là các em phải đủ dũng cảm để nói và thường xuyên ôn lại các số và cách diễn đạt để tránh quên, và sau khi giảng viên hoặc bạn cùng lớp chỉ ra lỗi, cần phải có khả năng tự nhận xét, tìm ra nguyên nhân lỗi và chăm chỉ sửa lỗi.

Cuối cùng là các em phải chủ động thiết lập môi trường giao tiếp, biết học cách quản lý thời gian và tăng cường thực hành tiếng.

## **6. Kết luận**

Dù có một số điểm giống nhau trong cách diễn đạt số từ, nhưng nội dung số cơ sở cũng gây cho sinh viên nhiều khó khăn nhất định, dẫn đến mắc phải những lỗi cơ bản trong cách diễn đạt loại số này. Có thể kể đến, chưa phân định được trường hợp nào cần đọc “yi”, và chưa xác định được dãy số dài, còn mắc lỗi trong việc đọc năm và số (gồm số phòng, số xe, số giấy tờ, ...), cũng như chưa nắm vững trật tự diễn đạt của phân số, số thập phân và số phần trăm, chưa hiểu về cách nói bội số,... Vì vậy, sinh viên cần nắm chắc 4 nguyên nhân để giải thích cho cách lỗi sai trên gồm: Bị ảnh hưởng tới tiếng mẹ đẻ; Môi trường thực hành tiếng Trung còn hạn chế; Ý thức tự giác đào sâu của sinh viên chưa cao; Hệ thống kiến thức liên quan trong giáo trình chưa đầy đủ.

Để có thể khắc phục những lỗi sai của sinh viên trong quá trình vận dụng số cơ sở, tác giả bài viết đã đưa ra một số phương pháp sau: một là, tận dụng sự giống nhau và nhấn mạnh điểm khác biệt trong cách biểu đạt của hai ngôn ngữ để tiến hành giảng dạy; hai là, khuyến khích thiết lập môi trường giao tiếp; ba là, nâng cao tinh thần ham học hỏi cho sinh viên; bốn là, giảng viên hoàn thiện bài giảng về nội dung số cơ sở.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 黎锦熙. 新著国语文法. 北京: 商务印书馆, 1992:366.
- 卢福波. 对外汉语教学实用语法. 北京语言大学出版社. 2011.
- 马建忠. 马氏文通. 实字卷之六. 北京: 商务印书馆, 1983:114.
- 王力. 中国现代语法. 北京: 中华书局, 1943:366.
- 丁声树. 现代汉语语法讲话. 商务印书馆. 1961.
- 邓氏皇. 汉语数词"二"与越南语数词"hai"对比研究. (Doctoral dissertation, 华中师范大学). 2011.
- 郭丹凤. "二"和"两"的偏误分析与对外汉语教学研究. 南昌大学.
- 郑氏心. 越南学生汉语概数习得偏误分析. (Doctoral dissertation, 吉林大学). 2012.
- 韩瑞瑞. 留学生汉语概数表达习得偏误研究. (Doctoral dissertation, 河南大学).
- 荣继华. 发展汉语I, 初级综合. 北京语言大学出版社. 2011.
- 荣继华. 发展汉语II, 初级综合. 北京语言大学出版社. 2011.